

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/6/2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên
tòa:** Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên
toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2021/TLST-
HNGĐ ngày 02/02/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-
HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992.

HKTT: Xóm 2, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện nay: Xóm 4, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Anh Trương Ngọc L, sinh năm 1992.

HKTT: Xóm 2, xã L, huyện Nho Qaun, tỉnh Ninh Bình.

Tạm trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chị G và anh L vắng mặt đều có đơn đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 02/02/2021 và đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 11/ 5/2021 chị G trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị kết hôn với anh L vào ngày 12/12/2011 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An là hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng với bố mẹ đẻ anh L tại xóm 2, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình, đến năm 2012 vợ chồng vào Thành Phố Hồ Chí Minh làm kinh tế. Từ khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc với nhau được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp với nhau về mọi vấn đề, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau đã sống ly thân từ năm 2015 không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn ngày càng sâu sắc, không có khả năng hàn gắn. Chị G yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nữa mà đưa vụ án ra xét xử. Chị G đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại các phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- *Về tình cảm*: Giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trương Ngọc Lan H, sinh ngày 13/5/2012 hiện nay ở với anh L từ khi ly thân đến nay. Nếu ly hôn chị nhất trí để anh L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh L mỗi tháng 1.500.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Chị G nhận nộp cả theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của anh L: Tại đơn đề nghị ngày 08/3/2021 anh L trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị G xin ly hôn anh, về hôn nhân anh xác định, anh kết hôn với chị G ngày 13/5/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng anh sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, đến tháng 05/2015 thì vợ chồng sống ly thân, chị G về quê ở Nghệ An. Từ đó không bao giờ quan tâm đến nhau nữa. Nay chị G xin ly

hôn anh nhất trí ly hôn với chị G vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh L nhất trí như ý kiến của chị G, nếu ly hôn thì anh xin nuôi con chung đang ở với anh. Về cấp dưỡng nuôi con, anh yêu cầu chị G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L đề nghị, do anh ở xa, bận công việc nên không đến làm việc với Tòa án được. Anh L đề nghị Tòa án xử vắng mặt anh ở các phiên tòa, mọi ý kiến anh giữ nguyên.

Tại Phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn bị đơn đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 68, 69 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự và Viện kiểm sát là đảm bảo và đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc giao nhận tài liệu chứng cứ thực hiện đã lập biên bản và ghi đầy đủ các chứng cứ do đương sự giao nộp, việc lập biên bản đúng theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 02/02/2021 Tòa án thụ lý vụ án, ngày 11/5/2021 Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn mở phiên Tòa vào ngày 08/6/2021 đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc thu thập chứng cứ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa đã tiến hành đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền khởi kiện gửi đơn khởi kiện và nộp án phí đúng quy định tại các Điều 186, 190, 195 Bộ luật TTDS. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 71, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và tòa án thu thập: đúng với quy định của pháp luật .

Về nội dung, yêu cầu khởi kiện:

Đề nghị áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử lý hôn giữa anh Trương Ngọc L và chị Nguyễn Thị G.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cho anh Trương Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trương Ngọc Lan H, sinh ngày 13/5/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.500.000 đồng thời gian tính từ tháng 6/2021 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi..

3. *Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị G còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị G và anh L. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. *Về thủ tục tố tụng*: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị G, Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự chị G đã chấp hành đầy đủ và anh L có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt, Đến ngày 11/5/2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị G và anh L kết hôn với nhau vào ngày 12/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, là do bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ thực tế chị G và anh L sống ly thân từ năm 2015 đến nay không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đây là bằng chứng, xác định tình cảm vợ chồng của hai người không còn khả năng đoàn tụ,

đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G. Đối với anh L, anh cũng nhất trí ly hôn với chị G với lý do vì tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy cần xử lý hôn giữa chị G và anh L là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Vợ chồng chị G và anh Lienh có 01 con chung là Trương Ngọc Lan H, sinh ngày 13/5/2012 đã ở với anh L từ năm 2015 đến nay đã ổn định về nhiều mặt trong cuộc sống cũng như sự thỏa thuận của các đương sự cần chấp nhận việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của các đương sự, cần giao con chung là Trương Ngọc Lan H cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 18 tuổi. chị G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh L mỗi tháng 1.500.000đ thời gian tính từ tháng 6/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không giải quyết.

5. *Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị G còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Trương Ngọc L.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao con chung là Trương Ngọc Lan H, sinh ngày 13/5/2012 đang ở với anh L cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi 18 tuổi. Chị G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh L mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian tính từ tháng 6/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm

2015.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị G còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, chị G và anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND xã T.
- Dương sự.
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Minh Lực